

Số: /KL-STP

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 3 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 13/QĐ-STP ngày 08/02/2023 của Giám đốc Sở Tư pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Tịnh Giang, Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, từ ngày 23/02/2023 đến ngày 24/02/2023, Đoàn Thanh tra Sở Tư pháp đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Xét Báo cáo số 13/BC-ĐTTr ngày 10/3/2022 của Trưởng Đoàn Thanh tra, ý kiến giải trình của UBND xã Tịnh Đông; Giám đốc Sở Tư pháp kết luận thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. Khái quát về đặc điểm, tình hình hoạt động của đơn vị

1. Đặc điểm, tình hình

Tịnh Đông là xã miền núi, nằm phía Tây huyện Sơn Tịnh. Dân số khoảng 1.801 hộ với 7.588 nhân khẩu, người dân chủ yếu sống bằng nghề nông. Thời gian qua, dưới sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định pháp luật, đáp ứng tốt nhu cầu của công dân. Việc ứng dụng công nghệ thông tin luôn được chú trọng, đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, báo cáo, thống kê và công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực theo yêu cầu của công dân.

UBND xã bố trí 01 công chức tư pháp - hộ tịch tham mưu công tác tư pháp đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được bố trí phù hợp, đáp ứng với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch được thực hiện tại Bộ phận Một cửa Ủy ban nhân dân xã.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 22/02/2023), UBND xã Tịnh Đông đã thực hiện đăng ký khai sinh 146 trường hợp, trong đó: đăng ký đúng hạn 77 trường hợp, đăng ký quá hạn 20 trường hợp, đăng ký lại 49 trường hợp; đăng ký kết hôn 131 trường hợp, trong đó: đăng ký kết hôn lần đầu 129 trường hợp, đăng ký lại kết hôn 02 trường hợp; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 175 trường hợp; đăng ký khai tử 55 trường hợp, trong đó: đăng ký đúng hạn 32 trường hợp, đăng ký quá hạn 23 trường hợp; đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch 10 trường hợp; đăng ký nhận cha, mẹ, con 01 trường hợp.

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 22/02/2023), UBND xã Tịnh Đông đã thực hiện chứng thực 327 trường hợp, trong đó: 77 hợp đồng chuyên nhượng, 120 hợp đồng tặng cho, 01 hợp đồng thế chấp, 101 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, 23 văn bản khai nhận di sản thừa kế, 05 hợp đồng giao dịch khác.

II. Kết quả thanh tra

1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

1.1. Sổ hộ tịch, hồ sơ lưu trữ

- UBND xã sử dụng Sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch theo đúng biểu mẫu về sổ, giấy tờ hộ tịch do Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Sổ hộ tịch được đóng dấu giáp lai, khóa sổ đúng quy định; hồ sơ hộ tịch được lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học, thuận tiện cho công tác quản lý, tra cứu.

- Khi đăng ký hộ tịch có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa nội dung trong Sổ hộ tịch không đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: *“Trong quá trình đăng ký hộ tịch mà có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa.... Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót”*. Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh: tại số đăng ký 26, 29, 42, 56, 61, 67, 116/2022, sửa chữa thông tin, không thực hiện ghi chú vào Cột “ghi chú”; số đăng ký 98/2022, dùng bút tẩy xóa, viết đè thông tin. Trong Sổ đăng ký kết hôn: tại số đăng ký 28, 46, 60, 66, 75, 87/2022, sửa chữa thông tin, không thực hiện ghi chú vào Cột “ghi chú”.

- Một số trường hợp, UBND xã đăng ký hộ tịch, không ghi đầy đủ thông tin ở các mục trong Sổ hộ tịch là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: “*Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này*”. Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh: tại số đăng ký 12/2022, không ghi quê quán; số 30, 40/2022, không ghi năm sinh, dân tộc, quốc tịch người mẹ; số 35/2022, không ghi giấy tờ tùy thân người đi đăng ký khai sinh và người ký Giấy khai sinh; số 49/2022, không ghi năm sinh cha mẹ; số 54/2022, không ghi năm sinh, dân tộc, quốc tịch người cha; số 60, 65/2022, không ghi năm sinh, dân tộc, quốc tịch cha mẹ; trong Sổ đăng ký kết hôn: tại số đăng ký 23, 27, 28, 67, 68/2022, người thực hiện không ký, không ghi rõ họ tên; trong Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: tại số đăng ký 01, 47, 54/2022, không ghi thông tin về tình trạng hôn nhân; số 02, 03/2022, không ghi mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

1.2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hộ tịch

a) Đăng ký khai sinh

- 02 trường hợp, UBND xã đăng ký khai sinh, người đi đăng ký khai sinh không ký vào Sổ đăng ký khai sinh là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Hộ tịch: “*2. Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân. Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh*”. Cụ thể: Sổ đăng ký 03, 87/2022.

- Tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp người yêu cầu không có bản sao Giấy khai sinh nhưng hồ sơ, giấy tờ cá nhân có sự thống nhất về nội dung khai sinh thì đăng ký lại theo nội dung đó. Nếu hồ sơ, giấy tờ không thống nhất về nội dung khai sinh thì nội dung khai sinh được xác định theo hồ sơ, giấy tờ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chính thức hợp lệ đầu tiên; riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì nội dung khai sinh được xác định theo văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này*”. Tuy nhiên, 02 trường hợp, UBND xã xác định nội dung khai sinh đăng ký lại không đúng quy định. Cụ thể: Hồ sơ số 52/2022, nội dung Tờ khai đăng ký lại khai sinh và Thông báo của Công an xã cung cấp ghi họ tên người cha là Nguyễn Hồng Thuận, nội dung đăng ký lại khai sinh ghi họ tên người cha là Nguyễn Phúc Hậu; hồ sơ số 71/2022, Giấy khai sinh cấp ngày 02/3/1987 kèm theo ghi sinh ngày 25/02/1987, nội dung đăng ký lại khai sinh ghi sinh ngày 02/10/1987.

- Một số trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh không đúng thủ tục quy định tại điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: “3.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ sau đây là cơ sở để xác định nội dung đăng ký lại khai sinh: a) Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; b) Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; c) Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; d) Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân. Người yêu cầu đăng ký lại khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và cam đoan về việc đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật theo quy định tại Điều 5 Thông tư này; 4. Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan”. Cụ thể: Hồ sơ số 55/2022, không có văn bản cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh về việc đã nộp đủ các loại giấy tờ mình có; hồ sơ số 45, 65, 75, 83, 100/2022, không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con nhưng UBND xã không thực hiện việc xác minh thông tin cha, mẹ tại cơ quan công an có thẩm quyền.

- Một trường hợp (hồ sơ số 02/2022), UBND xã đăng ký khai sinh cho trẻ có thông tin người cha, nội dung văn bản thừa nhận con chung thể hiện vợ chồng; tuy nhiên, hồ sơ không có tài liệu chứng minh cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư 04/2020/TT-BTP: “*Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, chưa được đăng ký khai sinh mà khi đăng ký khai sinh, vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì thông tin về người cha được ghi ngay vào Giấy khai sinh của người con mà không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, con. Trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cung cấp thông tin về người mẹ và lập văn bản thừa nhận con chung không đúng sự thật tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này theo quy định tại Điều 5 Thông tư này*”.

b) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Nhiều trường hợp, UBND xã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, ghi nội dung Mục “Tình trạng hôn nhân” không đúng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP: “1. Mục “*Tình trạng hôn nhân*” phải ghi trung thực về tình trạng hôn nhân hiện tại của người đó, cụ thể như sau: Nếu đang có vợ/chồng thì ghi rõ là hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông... (Giấy chứng nhận kết hôn số..., do... cấp ngày... tháng... năm...). Nếu có đăng ký kết hôn hoặc chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987, nhưng vợ/chồng đã chết và chưa kết hôn mới thì ghi rõ là đã đăng ký kết hôn hoặc đã có vợ/chồng, nhưng vợ/chồng đã chết (Giấy chứng tử/Trích lục khai tử/Bản án số:... do... cấp ngày... tháng... năm...); hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai”. Cụ thể: Tại số đăng ký 09/2022, ghi: *Từ ngày 20/12/2021 đến nay đã đăng ký kết hôn với ông*

Đặng Nguyễn Tuấn; tại số đăng ký 08, 15, 21, 34, 52/2022, ghi: Đã có hôn nhân thực tế với ông...nhưng ông...đã chết, hiện độc thân; tại số đăng ký 25, 26, 27, 35, 57, 59/2022, ghi: Đã đăng ký kết hôn nhưng chồng chết, hiện độc thân.

c) Đăng ký kết hôn

03 trường hợp, UBND xã đăng ký kết hôn cho người thường trú ngoài địa phương nhưng hồ sơ không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã nơi người đó thường trú cấp là chưa đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP: “Người yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay Giấy chứng sinh theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Luật Hộ tịch; đăng ký khai tử phải nộp bản chính Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay Giấy báo tử theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 của Luật Hộ tịch và tại Khoản 2 Điều 4 của Nghị định này; đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định tại Mục 3 Chương III của Nghị định này”. Cụ thể: Hồ sơ số 46, 63, 99/2022.

d) Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch

Tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch quy định: “Thay đổi họ, chữ đệm và tên của cá nhân trong nội dung khai sinh đã đăng ký khi có căn cứ theo quy định của pháp luật dân sự”, điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên trong trường hợp sau đây: Theo yêu cầu của người có tên mà việc sử dụng tên đó gây nhầm lẫn, ảnh hưởng đến tình cảm gia đình, đến danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của người đó”. Tuy nhiên, 04 trường hợp, UBND xã đăng ký thay đổi, bổ sung tên, chữ đệm vi phạm quy định. Cụ thể: Hồ sơ số 01, 04, 09/2022, thay đổi tên; hồ sơ số 08/2022, bổ sung chữ đệm, không có căn cứ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

2.1. Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch, hồ sơ lưu trữ

- UBND xã sử dụng Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch theo đúng biểu mẫu sổ được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Sổ được đóng dấu giáp lai, khóa sổ theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; tài liệu trong từng bộ hồ sơ lưu sắp xếp khoa học, thuận lợi cho công tác lưu trữ và tra cứu.

- Sổ không đánh số trang; số thứ tự trong sổ chưa phù hợp (sau số 03 là 02, sau số 124 là số 123) là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm”.

- Một số trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa thông tin trong Sổ chứng thực bằng cách tẩy xóa, ghi đè thông tin, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Người thực hiện chứng thực gạch chân lỗi sai sót cần sửa, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa, họ tên, chữ ký của người sửa, ngày tháng năm sửa”*.

2.2. Hồ sơ, thủ tục chứng thực hợp đồng giao dịch

- Một số trường hợp, nội dung trang lời chứng ghi không chính xác, đầy đủ. Cụ thể: Hợp đồng số 01/2022, gồm 06 tờ, 06 trang nhưng thể hiện tại trang lời chứng là 03 tờ, 03 trang; hợp đồng số 05/2022, gồm 04 tờ, 05 trang nhưng thể hiện tại trang lời chứng 05 tờ, 05 trang; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 244, 246/2022, tại lời chứng thực hợp đồng không ghi số chứng thực.

- 05 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, văn bản khai nhận di sản thừa kế, hồ sơ không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối tượng tài sản trong giao dịch) là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch; b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng. Bản sao giấy tờ quy định tại Điểm b và Điểm c của Khoản này được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu”*. Cụ thể: Hồ sơ số 01, 43, 66/2022; Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 221, 222/2022.

- 01 trường hợp, UBND xã chứng thực Văn bản hủy bỏ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất, không thu hồi Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất bị hủy bỏ là không đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP: *“Khi yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì người yêu cầu chứng thực phải xuất trình giấy tờ tùy thân còn giá trị sử dụng để người thực hiện chứng thực kiểm tra và nộp 01 (một) bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau đây: Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực”*.

- Một số trường hợp, UBND xã sử dụng các loại giấy xác nhận quan hệ nhân thân do UBND xã xác nhận để làm căn cứ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản là chưa đảm bảo cơ sở pháp lý; tại Điều 2 của Luật Hộ tịch quy định: *“Hộ tịch là những sự kiện được quy định tại Điều 3 của Luật này, xác định tình trạng nhân thân của cá nhân từ khi sinh ra đến khi chết. Đăng ký hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích*

hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư. Theo đó, việc xác định tình trạng nhân thân của cá nhân phải trên cơ sở các giấy tờ hộ tịch do cơ quan có thẩm quyền cấp như: Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn/Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy chứng tử/Trích lục khai tử. Cụ thể: Hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất số 97, 98, 99, 100, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243/2022.

- 05 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đứng tên một người, hồ sơ không thể hiện người đó được toàn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất giao dịch. Cụ thể: Hồ sơ số 220, 230, 235, 293, 295/2022, không có thông tin về tình trạng hôn nhân của người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 trường hợp (*hồ sơ số 101/2022*), UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 948, qua hồ sơ cho thấy, quyền sử dụng thửa đất số 948 được cấp cho ông Nguyễn Văn Dương (người để lại di sản thừa kế), tuy nhiên, Trích lục khai tử số 168/TLKT-BS ngày 23/7/2018 được UBND xã Tịnh Đông cấp, mang tên Nguyễn Ánh Dương. Để có căn cứ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 948, UBND xã Tịnh Đông ký giấy xác nhận với nội dung: *“bà Phạm Thị Kim Anh là vợ ông Nguyễn Văn Dương và ông Nguyễn Văn Dương đã chết”*.

III. Kết luận nội dung thanh tra

1. Kết quả đạt được

Lãnh đạo UBND xã Tịnh Đông đã có sự quan tâm, chỉ đạo thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch, về cơ bản, công tác này đã đạt được những kết quả tích cực. Việc sử dụng Sổ hộ tịch và Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch bảo đảm theo đúng biểu mẫu quy định; thực hiện đóng dấu giáp lai, khóa sổ theo đúng quy định; hồ sơ lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học thuận lợi cho công tác quản lý và tra cứu; phần lớn các trường hợp đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tuân thủ đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện.

2. Tồn tại, sai sót

2.1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

- Công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa nội dung trong Sổ hộ tịch bằng cách tẩy xóa, viết đè, không ghi chú trong Sổ hộ tịch, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh: tại số đăng ký 26, 29, 42, 56, 61, 67, 98, 116/2022; trong Sổ đăng ký kết hôn: tại số đăng ký 28, 46, 60, 66, 75, 87/2022.

- 18 trường hợp, không ghi đầy đủ thông tin ở các mục trong Sổ hộ tịch, không đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh: tại số đăng ký 12, 30, 35, 40, 49, 54, 60, 65/2022;

trong Sổ đăng ký kết hôn: tại số đăng ký 23, 27, 28, 67, 68/2022; trong Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: tại số đăng ký 01, 02, 03, 47, 54/2022.

- 02 trường hợp, UBND xã đăng ký khai sinh, người đi đăng ký khai sinh không ký vào Sổ đăng ký khai sinh, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Hộ tịch. Cụ thể: Số đăng ký 03, 87/2022.

- 02 trường hợp (*hồ sơ số 52, 71/2022*), UBND xã xác định nội dung khai sinh đăng ký lại không đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- 05 trường hợp, UBND xã đăng ký lại khai sinh, hồ sơ không có văn bản cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh, không có tài liệu chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, vi phạm thủ tục quy định tại điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Cụ thể: Hồ sơ số 45, 55, 65, 75, 83, 100/2022.

- 01 trường hợp (*hồ sơ số 02/2022*), UBND xã đăng ký khai sinh cho trẻ có thông tin người cha, nội dung văn bản thừa nhận con chung thể hiện vợ chồng, tuy nhiên, hồ sơ không có tài liệu chứng minh cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư 04/2020/TT-BTP.

- 12 trường hợp, UBND xã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, tại mục “Tình trạng hôn nhân...” ghi không đúng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT. Cụ thể: Hồ sơ số 08, 09, 15, 21, 25, 26, 27, 34, 35, 52, 57, 59/2022.

- 03 trường hợp, UBND xã đăng ký kết hôn cho người thường trú ngoài địa phương nhưng hồ sơ không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã nơi người đó thường trú cấp là chưa đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 123/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Hồ sơ số 46, 63, 99/2022.

- 04 trường hợp (*hồ sơ số 01, 04, 08, 09/2022*), UBND xã đăng ký thay đổi tên, bổ sung chữ đệm vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch.

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Sổ chứng thực không đánh số trang; số thứ tự trong sổ theo dõi chưa phù hợp (sau số 03 là 02, sau số 124 là số 123), không đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Một số trường hợp, công chức tư pháp - hộ tịch sửa chữa thông tin trong Sổ chứng thực bằng cách tẩy xóa, ghi đè thông tin, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- 04 trường hợp, ghi chép nội dung trang lời chứng của hợp đồng không chính xác, đầy đủ. Cụ thể: Hợp đồng số 01, 05, 244, 246/2022.

- 05 trường hợp, UBND xã chứng thực hợp đồng, văn bản khai nhận di sản thừa kế, hồ sơ không lưu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối tượng tài sản trong giao dịch), vi phạm thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 36

Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Cụ thể: Hồ sơ số 01, 43, 66/2022; Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 221, 222/2022.

- 01 trường hợp, UBND xã chứng thực Văn bản hủy bỏ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất, không thu hồi Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất bị hủy bỏ là không đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

- 01 trường hợp (*hồ sơ số 101/2022*), UBND xã chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, họ tên người để lại di sản thừa kế đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối tượng tài sản được để thừa kế) và họ tên trong Trích lục khai tử của người để lại di sản thừa kế không thống nhất.

3. Trách nhiệm

Chủ tịch UBND xã Tịnh Đông là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch; là người chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực thi công tác này nhưng trong quá trình thực hiện, chưa thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, nhắc nhở đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch. Bên cạnh đó, công chức tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ của công dân, chưa hướng dẫn công dân thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật; áp dụng quy định pháp luật chưa đầy đủ, chuẩn xác trong việc tham mưu lãnh đạo UBND xã giải quyết hồ sơ cho công dân. Do đó, việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch còn một số tồn tại, sai sót.

IV. Kiến nghị biện pháp xử lý

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai sót; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị một số nội dung sau:

1. Đối với UBND xã Tịnh Đông

1.1. Lãnh đạo UBND xã Tịnh Đông tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót đã nêu tại Mục III Kết luận; lãnh đạo UBND xã thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, nhắc nhở công chức tư pháp - hộ tịch trong việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại địa phương; cần cần trọng hơn trong việc ký các loại Giấy/Đơn xin xác nhận cho công dân, đối với trường hợp công dân yêu cầu xác nhận những vấn đề liên quan tới hộ tịch cần phải hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục đăng ký hộ tịch theo quy định Luật hộ tịch.

Công chức tư pháp - hộ tịch xã cần nêu cao vai trò trách nhiệm trong việc tham mưu lãnh đạo UBND xã thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch; nghiên cứu kỹ các quy định pháp luật về hộ tịch, chứng thực và các văn bản có liên quan để thực hiện tốt hơn trong việc

hướng dẫn, yêu cầu người dân thực hiện quy trình, thủ tục theo đúng quy định pháp luật; áp dụng đầy đủ, chuẩn xác quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết hồ sơ đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch cho công dân.

1.2. Đề nghị Chủ tịch UBND xã Tịnh Đông chỉ đạo khắc phục những tồn tại, sai sót, cụ thể:

- Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

+ Khắc phục theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Hộ tịch đối với 02 trường hợp người đi đăng ký khai sinh không ký vào Sổ đăng ký khai sinh (số đăng ký 03, 87/2022).

+ Kiểm tra hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 52, 71/2022 để điều chỉnh cho phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

+ Bổ sung văn bản cam đoan về việc đã nộp đủ giấy tờ và giấy tờ, tài liệu làm cơ sở xác định thông tin về cha, mẹ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh theo quy định tại điểm d khoản 3, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2020/TT-BTP đối với các hồ sơ đăng ký lại khai sinh số 45, 55, 65, 75, 83, 100/2022

+ Kiểm tra, bổ sung thông tin về tình trạng hôn nhân của vợ chồng đối với hồ sơ đăng ký khai sinh số 02/2022; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đối với hồ sơ đăng ký kết hôn số 46, 63, 99/2022; căn cứ thay đổi tên, bổ sung chữ đệm theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Hộ tịch đối với hồ sơ đăng ký thay đổi tên, bổ sung chữ đệm số 01, 04, 08, 09/2022.

+ Khắc phục việc ghi chép thông tin trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP; kiểm tra, bổ sung thông tin còn thiếu trong Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký kết hôn và Sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Công tác chứng thực hợp đồng giao dịch:

+ Kiểm tra, bổ sung, điều chỉnh nội dung trang lời chứng ghi chưa đầy đủ, chuẩn xác tại hợp đồng số 01, 05, 244, 246/2022.

+ Bổ sung bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hồ sơ chứng thực hợp đồng số 01, 43, 66/2022 và hồ sơ chứng thực văn bản khai nhận di sản thừa kế số 221, 222/2022.

+ Khắc phục trường hợp chứng thực Văn bản hủy bỏ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất không đúng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 23 Thông tư số 01/2020/TT-BTP. Cụ thể: Bổ sung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất bị hủy bỏ.

+ Rút kinh nghiệm về việc chỉnh sửa lỗi kỹ thuật trong Sổ chứng thực theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Kiểm tra, thực hiện đính chính thông tin trên các giấy tờ trong hồ sơ chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất số 101/2022 cho thống nhất.

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo UBND xã Tịnh Đông và công chức tư pháp - hộ tịch cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực - Bộ Tư pháp tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: *Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng, giao dịch, Chủ tịch UBND xã Tịnh Đông và công chức tư pháp - hộ tịch phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất; ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và UBND xã cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.*

- Tại Điều 612 Bộ luật Dân sự quy định: *“Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác”*; Điều 611 Bộ luật Dân sự quy định: *“Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết”* và Điều 651 Bộ luật Dân sự quy định: *“Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây: a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết; b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chất ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại. 2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. 3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản”*.

Theo quy định trên, khi chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, Văn bản khai nhận di sản thừa kế, UBND xã cần phải kiểm tra xác định thời điểm mở thừa kế và những người được thừa kế di sản theo quy định, căn cứ để xác định dựa trên các loại giấy tờ, tài liệu như: Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn/văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy chứng tử/Trích lục khai tử.

- Tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Tài sản chung vợ chồng bao gồm: Tài sản do vợ, chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân; Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”*; khoản 2 Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch mà theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan phải có sự đồng ý của cả hai vợ chồng”*; khoản 1 Điều 26 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Việc đại diện giữa vợ và chồng trong việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch liên quan đến tài sản chung có giấy chứng nhận quyền sở hữu, giấy chứng nhận quyền sử dụng tài sản chỉ ghi tên vợ hoặc chồng được thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 của Luật này”*; khoản 1 Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập”*.

Từ những quy định nêu trên, khi chứng thực các hợp đồng, giao dịch có đối tượng tài sản là quyền sử dụng đất chỉ ghi tên một người trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã phải kiểm tra tình trạng hôn nhân của người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất.

- UBND xã Tịnh Đông cần tuyên truyền cho người yêu cầu chứng thực nhận thức rõ trách nhiệm đối với nội dung của hợp đồng, giao dịch và hệ quả pháp lý của việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp UBND xã phát hiện tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản bất hợp pháp hoặc đang có tranh chấp, đã hoặc đang là đối tượng của hợp đồng, giao dịch khác thì cơ quan thực hiện chứng thực lập biên bản vi phạm, giữ lại hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật theo Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

2. Đối với Phòng Tư pháp huyện Sơn Tịnh

Đề nghị Phòng Tư pháp huyện Sơn Tịnh, hằng năm, có kế hoạch kiểm tra công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và chứng thực trên địa bàn nhằm phát hiện những sai sót, tồn tại để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục; đồng thời, tăng cường hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp - hộ tịch, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

V. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu UBND xã Tịnh Đông tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Tịnh Đông phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tịnh Đông;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Phòng Tư pháp huyện Sơn Tịnh;
- GD, các PGĐ Sở;
- CVP, CTTr Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr(vt).

GIÁM ĐỐC

Tôn Long Hiếu